xī ān

西安

n. · Xi'an, the capital of Shaanxi Province

Example Sentences

wǒ míng nián yào qù xī ān lǚ yóu
我 明 年 要去西安旅游。

I'm going to travel to Xi'an next year.

xī ān de dōng tiān hěn lěng
西安的 冬 天 很 冷 。

Winters in Xi'an are very cold.

tā cóng xī ān zuò huǒ chē dào běi jīng
她 从 西安坐 火 车 到 北 京 。

She took a train from Xi'an to Beijing.

Trace each character, then write the word on your own.

西 西 西 西 西 西 西 西 西

安 安 安 安 安 安 安 安 安